

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ 2 – NĂM HỌC 2025 -2026
MÔN: CÔNG NGHỆ - THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ KHỐI 10 (CÁNH DIỀU)
TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

Bài 12. Hình chiếu phối cảnh (HCPC)

Câu 1: Hình chiếu phối cảnh hai điểm tụ nhận được khi mặt tranh

- A. song song với một mặt của vật thể. B. không song song với bất kỳ mặt nào của vật thể.
 C. song song với toàn bộ các mặt của vật thể. D. không song song với một mặt của vật thể.

Câu 2: Trong hình chiếu phối cảnh, đường chân trời là giao tuyến của

- A. mặt phẳng song song với mặt phẳng vật thể. B. Tất cả các đáp án này.
 C. Mặt phẳng vật thể với mặt tranh. D. Mặt tranh với mặt phẳng tầm mắt (tt).

Câu 3: Hình chiếu phối cảnh một điểm tụ nhận được khi mặt tranh

- A. song song với một mặt của vật thể. B. không song song với một mặt của vật thể.
 C. song song với toàn bộ các mặt của vật thể. D. không song song với bất kỳ mặt nào của vật thể.

Câu 4: Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu

- A. vuông góc. B. song song. C. xuyên tâm. D. trục đo.

Câu 5: Hình chiếu phối cảnh là hình biểu diễn được xây dựng bằng phép chiếu:

- A. Song song B. Vuông góc C. Xuyên tâm D. Bất kì

Bài 13. Biểu diễn quy ước ren

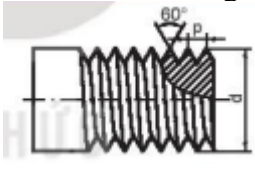
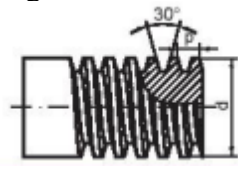
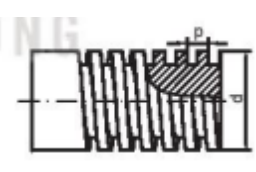
Câu 1: Ren ngoài còn gọi là

- A. Ren trục. B. Ren trần. C. Ren lỗ. D. Ren lộ thiên.

Câu 2: Vòng chân ren của ren nhìn thấy được vẽ như thế nào?

- A. Vẽ kín bằng nét đứt mảnh. B. Vẽ hở bằng nét liền đậm.
 C. Vẽ kín bằng nét chấm gạch. D. Vẽ hở bằng nét liền mảnh.

Câu 3: Đây là hình dạng ren vuông?

- A.  B.  C.  D. Không có loại ren vuông

Câu 4: Đây không phải một chi tiết có ren?

- A.  B.  C.  D. 

Câu 5: Ren trong là ren

- A. Được hình thành ở mặt ngoài. B. Được hình thành ở mặt trong của chi tiết.
 C. Ren tạo nên phương thức kết nối bán dẫn. D. Cả B và C.

Câu 6: Quy ước về đường đỉnh ren của ren trục và ren lỗ khác nhau như thế nào ?

- A. Đường đỉnh ren của ren lỗ nằm ngoài đường chân ren
 B. Đường đỉnh ren của ren trục nằm ngoài đường chân ren
 C. Đường đỉnh ren của ren trục nằm trong đường chân ren
 D. Đáp án A, B, C

Câu 6: Đối với ren bị che khuất, dùng nét đứt vẽ:

- A. Đường đỉnh ren B. Đường chân ren C. Đường giới hạn ren D. Cả 3 đáp án trên

Câu 7: Quy ước nào đúng khi vẽ ren trong có mặt cắt nhìn thấy:

- A. Đường giới hạn ren được vẽ bằng nét liền mảnh
 B. Đường chân ren được vẽ bằng nét liền đậm C. Đường đỉnh ren được vẽ bằng nét liền mảnh
 D. Vòng chân ren được vẽ hở bằng nét liền mảnh

Câu 8: Ren được hình thành ở mặt trong của lỗ được gọi là:

- A. Ren trong B. Ren ngoài C. Ren không nhìn thấy D. Đáp án A hoặc B

Câu 9: Quy ước về đường đỉnh ren của ren trục và ren lỗ khác nhau như thế nào ?

- A. Ren lỗ có vòng đỉnh ren nằm ngoài vòng chân ren.
- B. Ren lỗ có vòng đỉnh ren nằm trong vòng chân ren.
- C. Ren trục có vòng đỉnh ren nằm trong vòng chân ren.
- D. Tất cả đều sai

Câu 10: Tên gọi khác của ren ngoài là:

- A. Ren lỗ
- B. Ren trục
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Đáp án khác

Câu 11: Vòng chân ren được vẽ

- A. Cả vòng
- B. 1/2 vòng
- C. 3/4 vòng
- D. 1/4 vòng

Câu 12: Đối với ren nhìn thấy, đường chân ren vẽ bằng nét:

- A. Liền mảnh
- B. Liền đậm
- C. Nét đứt mảnh
- D. Đáp án khác

Bài 14. Bản vẽ chi tiết

Câu 1: Công dụng của bản vẽ chi tiết là:

- A. Dùng để chế tạo chi tiết máy
- B. Dùng để kiểm tra chi tiết máy
- C. Dùng để chế tạo và kiểm tra chi tiết máy
- D. Đáp án khác

Câu 2: Trong sản xuất, muốn tạo ra một sản phẩm, trước hết phải:

- A. Chế tạo chi tiết theo bản vẽ chi tiết
- B. Lắp ráp chi tiết theo bản vẽ lắp
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Đáp án khác

Câu 3: Việc mô tả hình dạng và cấu tạo của chi tiết nằm trong trình tự nào khi đọc bản vẽ:

- A. Khung tên
- B. Hình biểu diễn
- C. Kích thước
- D. Tổng hợp

Câu 4: Trong bản vẽ chi tiết của sản phẩm, gồm mấy nội dung:

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 5: Sơ đồ nội dung bản vẽ chi tiết gồm có những gì ?

- A. Các hình biểu diễn, khung bản vẽ, khung tên, các con số kích thước, các yêu cầu kỹ thuật
- B. Các hình biểu diễn, khung bản vẽ, các con số kích thước, các yêu cầu kỹ thuật
- C. Các hình chiếu, khung bản vẽ, khung tên, các con số kích thước, các yêu cầu kỹ thuật
- D. Tất cả đều sai

Câu 6: Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là:

- A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp
- B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp
- C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp
- D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp

Câu 7: Phương án biểu diễn một chi tiết cần phải thể hiện trong bản vẽ chi tiết phải

- A. tất cả các đáp án này.
- B. đầy đủ và rõ ràng hình dáng, cấu tạo bên ngoài và bên trong chi tiết
- C. đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật sao cho người xem có thể hiểu được.
- D. một phần nào đó cấu tạo bên ngoài và bên trong chi tiết.

Câu 8: Trong bản vẽ chi tiết, các hình biểu diễn

- A. thể hiện cơ chế vận hành của chi tiết máy.
- B. thể hiện hình dạng của chi tiết máy.
- C. thể hiện hình dạng của ren xoắn.
- D. không được thể hiện.

Bài 15. Bản vẽ lắp

Câu 1: Trình tự đọc bản vẽ lắp là:

- A. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, kích thước, phân tích chi tiết, tổng hợp
- B. Khung tên, hình biểu diễn, bảng kê, kích thước, phân tích chi tiết, tổng hợp
- C. Khung tên, hình biểu diễn, bảng kê, phân tích chi tiết, kích thước, tổng hợp
- D. Hình biểu diễn, khung tên, bảng kê, phân tích chi tiết, kích thước, tổng hợp

Câu 2: Bản vẽ lắp thể hiện:

- A. Hình dạng sản phẩm
- B. Kết cấu sản phẩm
- C. Vị trí tương quan giữa các chi tiết của sản phẩm
- D. Cả 3 đáp án trên

Câu 3: Kích thước trên bản vẽ lắp là:

- A. Kích thước chung
- B. Kích thước lắp
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Đáp án khác

Câu 4: Bản vẽ lắp với bản vẽ chi tiết giống nhau ở những nội dung nào ?

- A. Đều là bản vẽ kỹ thuật
- B. Đều có các hình biểu diễn
- C. Đều có kích thước và khung tên
- D. Tất cả đều đúng

Câu 5: Bản vẽ lắp có công dụng như thế nào đối với sản phẩm

- A. Diễn tả hình dạng, kết cấu của một sản phẩm
- B. Diễn tả kết cấu của một sản phẩm
- C. Diễn tả vị trí tương quan giữa các chi tiết.
- D. Đáp án A, B, C

Câu 6: Bản vẽ lắp không chứa nội dung nào dưới đây ?

A. Yêu cầu kĩ thuật B. Bảng kê C. Kích thước D. Khung tên

Câu 7: Kích thước chung trên bản vẽ lắp là kích thước:

A. Chiều dài sản phẩm B. Chiều rộng sản phẩm C. Chiều cao sản phẩm D. Cả 3 đáp án trên

Bài 16. Bản vẽ xây dựng

Câu 1: Mặt đứng của ngôi nhà là gì?

A. Là hình cắt thu được khi dùng mặt phẳng cắt tưởng tượng thẳng đứng cắt qua không gian trống của ngôi nhà.

B. Là hình cắt bằng với các mặt phẳng cắt tưởng tượng nằm ngang đi qua cửa sổ (vuông góc với mặt sàn).

C. Là hình chiếu vuông góc của ngôi nhà lên mặt phẳng thẳng đứng để thể hiện hình dáng kiến trúc bên ngoài ngôi nhà.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 2: Mặt bằng các tầng của ngôi nhà là gì?

A. Mặt thể hiện trình độ tư duy khoa học và tinh thần của người chủ nhà.

B. Hình cắt bằng với các mặt phẳng cắt tưởng tượng nằm ngang đi qua cửa sổ (cách mặt sàn khoảng 1.5m).

C. Số lượng các phòng tương ứng với kích thước của ngôi nhà. D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 3: Bản vẽ nào ta đọc được các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo chiều cao?

A. mặt bằng tổng thể. B. mặt đứng.

C. mặt cắt.

D. mặt bằng.

Câu 4: Bản vẽ mặt bằng không thể hiện

A. vị trí các cửa, tường.

B. vị trí bàn ghế, giường tủ.

C. kích thước dài, rộng, cao của ngôi nhà.

D. kích thước dài, rộng của ngôi nhà.

Câu 5: Bản vẽ nào là quan trọng nhất của ngôi nhà?

A. mặt bằng tổng thể. B. mặt đứng.

C. mặt cắt.

D. mặt bằng.

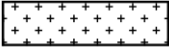
Câu 6: Để biết được diện tích của ngôi nhà, diện tích các phòng, ta sử dụng bản vẽ

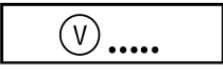
A. mặt bằng tổng thể. B. mặt đứng.

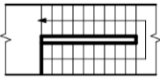
C. mặt cắt.

D. mặt bằng.

Câu 7 Hãy đánh giá đúng (Đ), sai (S) khi sử dụng các kí hiệu trong bản vẽ xây dựng

A. Trên bản vẽ mặt bằng tổng thể, kí hiệu  quy ước quảng trường

B. Trên bản vẽ mặt bằng tổng thể, nhà sắp được xây dựng được kí hiệu 

C. Trên bản vẽ nhà, kí hiệu  quy ước là mặt bằng cầu thang tầng trên cùng.

D. Trên bản vẽ nhà, kí hiệu  quy ước là bê tông.

Câu 8: Khi nói về các bản vẽ của ngôi nhà

A. Bản vẽ mặt bằng tổng thể là hình cắt đứng của ngôi nhà.

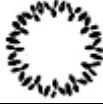
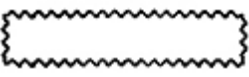
B. Bản vẽ mặt đứng của ngôi nhà là hình chiếu cạnh của ngôi nhà.

C. Bản vẽ mặt cắt của ngôi nhà là hình chiếu đứng hay chiếu cạnh của ngôi nhà

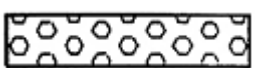
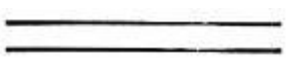
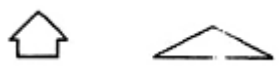
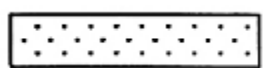
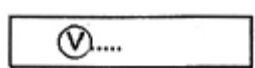
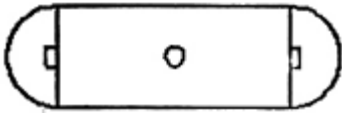
D. Bản vẽ mặt bằng của ngôi nhà là hình cắt bằng của ngôi nhà.

Em hãy nối tên gọi với kí hiệu tương ứng của chúng trong bản vẽ xây dựng

Tên gọi
1. Hàng rào cây
2. Cây trang trí
3. Cây có tán

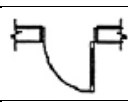
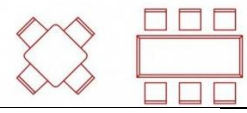
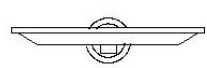
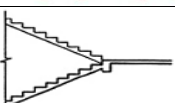
Kí hiệu
a. 
b. 
c. 

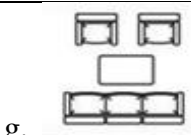
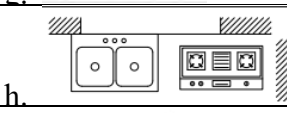
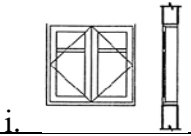
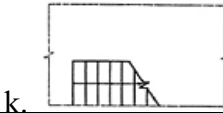
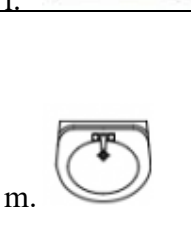
4. Đường ô tô
5. Hồ nhân tạo
6. Quảng trường, sân
7. Cổng ra vào
8. Đường lát đá
9. Sân vận động
10. Nhà sắp được xây dựng
11. Thảm cỏ
12. Mũi tên chỉ hướng ra vào

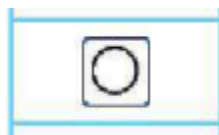
d.	
e.	
f.	
g.	
h.	
i.	
j.	
k.	
l.	

Phiếu học tập số 2

Em hãy nối tên gọi với kí hiệu tương ứng của chúng trong bản vẽ xây dựng

Tên gọi		Kí hiệu
1. Mặt cắt cầu thang		a. 
2. Cửa đi 4 cánh		b. 
3. Cửa đi đơn 1 cánh, mở vào trong		c. 
4. Tủ quần áo		d. 
5. Chậu rửa		e. 
6. Xí bệt		f. 

7. Bàn ghế ăn		 g.
8. Bàn ghế sofa		 h.
9. Mặt bằng cầu thang tầng dưới cùng		 i.
10. Kệ tivi		 j.
11. Giường		 k.
12. Bàn bếp		 l.
13. Cửa sổ đơn 2 cánh mở ra ngoài		 m.



Câu 1: Hình vẽ dưới đây là nút lệnh gì?

- A. Line B. Circle C. Arc D. Rectangle

Câu 2: Điền vào chỗ trống: Vẽ kỹ thuật dưới sự trợ giúp của máy tính thực chất là sử dụng các để lập bản vẽ. A. thiết bị công nghệ B. loại máy tính bảng
C. phần mềm D. cây bút

Câu 3: các lệnh hai chiều gồm mấy nhóm?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 4: Các phần mềm CAD được gọi là gì?

- A. Các phần mềm thiết kế với sự hỗ trợ của điện thoại.
B. Các phần mềm thiết kế với sự hỗ trợ của máy tính.
C. Các phần mềm thiết kế với sự hỗ trợ của Ipad.
D. Các phần mềm thiết kế với sự hỗ trợ của máy tính bảng.

Câu 5: Chức năng bắt điểm tự động là gì?

- A. Giúp người dùng quan sát được toàn cảnh bản vẽ.
B. Giúp cho việc vẽ được chính xác.
C. Giúp việc vẽ các đoạn thẳng đứng hay nằm ngang trở nên dễ dàng.
D. Không có chức năng gì.

Câu 6: Các phần mềm CAD có thể phục vụ cho các ngành nghề nào?

- A. Thiết kế đồ họa B. Kỹ sư C. Giáo dục
D. Đa ngành nghề

Câu 7: Chức năng của việc thu nhỏ màn hình là gì?

- A. Giúp người dùng quan sát được toàn cảnh bản vẽ.
B. Giúp cho việc vẽ được chính xác.
C. Giúp việc vẽ các đoạn thẳng đứng hay nằm ngang trở nên dễ dàng.
D. Không có chức năng gì.

Câu 8: Các ưu điểm cơ bản của việc lập bản vẽ bằng máy tính là:

- A. Bản vẽ được lập một cách chính xác, nhanh chóng.
- B. Dễ dàng sửa chữa, bổ sung, lưu trữ bản vẽ.
- C. A và B đều đúng.
- D. A và B đều sai.

Câu 9: Chức năng của trục Ox và Oy là gì?

- A. Giúp người dùng quan sát được toàn cảnh bản vẽ.
- B. Giúp cho việc vẽ được chính xác.
- C. Giúp việc vẽ các đoạn thẳng đứng hay nằm ngang trở nên dễ dàng.
- D. Không có chức năng gì.

Câu 10: Có mấy bước thực hiện khi thiết lập bản vẽ bằng máy tính?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 11: *Dòng lệnh* trong giao diện của phần mềm AutoCAD là:

- A. Hàng chữ nằm trên cùng.
- B. Nằm ngay bên dưới thực đơn.
- C. Vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình, ngay bên dưới thanh công cụ, hiển thị nội dung của bản vẽ, hệ tọa độ, con trỏ.
- D. nằm bên dưới vùng đồ họa. Đây là nơi để nhập lệnh, nhập dữ liệu.

Câu 12: Ý nào dưới đây là đặc điểm của các CAD?

- A. Thường có hệ thống lệnh và cách thực hiện khác nhau.
- B. Thường có hệ thống lệnh và cách thực hiện tương tự nhau.
- C. Thường có hệ thống lệnh tương tự nhau.
- D. Thường có hệ thống lệnh khác nhau.

Câu 13: *Vùng đồ họa* trong giao diện của phần mềm AutoCAD là:

- A. Hàng chữ nằm trên cùng.
- B. Nằm ngay bên dưới thực đơn.
- C. Vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình, ngay bên dưới thanh công cụ, hiển thị nội dung của bản vẽ, hệ tọa độ, con trỏ.
- D. nằm bên dưới vùng đồ họa. Đây là nơi để nhập lệnh, nhập dữ liệu.

Câu 14: *Thực đơn* trong giao diện của phần mềm AutoCAD là:

- A. Hàng chữ nằm trên cùng.
- B. Nằm ngay bên dưới thực đơn.
- C. Vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình, ngay bên dưới thanh công cụ, hiển thị nội dung của bản vẽ, hệ tọa độ, con trỏ.
- D. nằm bên dưới vùng đồ họa. Đây là nơi để nhập lệnh, nhập dữ liệu.

TỰ LUẬN

1. Hãy giải thích các ký hiệu ren
2. Hãy vẽ mặt bằng của một phòng tùy chọn (phòng khách, phòng ngủ, phòng vệ sinh, phòng bếp + phòng ăn...) Lưu ý: Không kẻ khung tên, khung bản vẽ. Có vẽ nội thất trong các phòng, có ghi kích thước, phòng có cửa sổ,
3. Vẽ hình chiếu phối cảnh 1 tâm chiếu, đề có hình chiếu đứng và hình chiếu bằng..